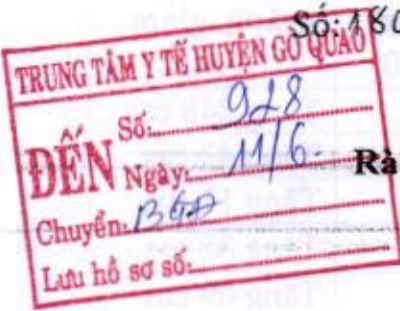


Số: 1808 /BC-SYT

Kiên Giang, ngày 09 tháng 6 năm 2021



BÁO CÁO

**Rà soát ước thực hiện công tác y tế 6 tháng đầu năm 2021
và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

I. Tình hình công tác y tế 6 tháng đầu năm 2021

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu y tế cơ bản:

Thực hiện Nghị quyết số 534/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2021 và Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về phân công thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2021. Sở Y tế đã ban hành các Quyết định phân công các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện các chỉ tiêu chung của ngành Y tế. Đồng thời đã chỉ đạo các phòng chức năng, các cơ quan đơn vị trực thuộc tiến hành xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện nhiệm vụ. Kết quả:

(Phụ lục đính kèm)

2. Đánh giá những kết quả ước đạt được 6 tháng đầu năm 2021

2.1. Cung ứng dịch vụ y tế

2.1.1. Khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng

Bệnh viện đa khoa tỉnh là vệ tinh của các bệnh viện lớn ở Tp.HCM. Thường xuyên chuyển giao công nghệ, duy trì các kỹ thuật y tế chất lượng cao và hướng dẫn chuyên môn cho các Trung tâm y tế tuyến huyện, xã,...

Tổng số lượt khám bệnh ước thực hiện 2.200.000 / 4.800.000 lượt (đạt 45,8%KH); Điều trị nội trú ước 127.500 / 280.000 BN (đạt 45,5%KH). Tỷ lệ khỏi bệnh 90,3%, tỷ lệ tử vong 0,09%. Công suất sử dụng giường bệnh chung 64%. Tỷ lệ bệnh nhân KCB bằng YHCT 13%.

So với cùng kỳ, số lượt khám bệnh giảm 1.763 lượt, điều trị nội trú tăng 787 BN; công suất giường bệnh tăng 3%; KCB bằng YHCT tăng 2%.

2.1.2. Y tế dự phòng

a) Phòng, chống dịch bệnh

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp và đang tiếp tục lây lan với tốc độ nhanh trong cộng đồng, nhưng nguy cơ dịch xâm nhập từ các đối tượng nhập cảnh và các đối tượng từ vùng dịch trở về là rất cao. Thực hiện tiêm ngừa SARS-COV-2 đợt 1 là: 20.748 liều vacxin, dự kiến đến 30/6/2021 thực hiện tiêm đợt 2: 27.000 liều Vacxin ngừa covid-19. Kết quả cụ thể:

(Có báo cáo riêng hàng ngày)

- Tính đến ngày 03/6/2021, các bệnh truyền nhiễm khác mắc là:

TT	Loại bệnh	Số mắc 6 tháng đầu năm 2021	Số mắc 6 tháng đầu năm 2020	So sánh tăng, giảm (ca)
1	TCM	1.018	170	Tăng 848 cas
2	SXH	366	323	Tăng 43 cas
3	Thủy đậu	72	61	Tăng 11 cas
4	Lỵ trực trùng	66	34	Tăng 32 cas
5	Lỵ amip	19	10	Tăng 09 cas
6	Cúm mùa	527	584	Giảm 57 cas
7	Tiêu chảy	1.175	1.597	Giảm 422 cas
8	Quai bị	12	18	Giảm 06 cas
9	Thương hàn	17	18	Giảm 01 cas
10	Sởi sốt phát ban nghi sởi	16	176	Giảm 160 cas
11	Bệnh do VR Adeno	0	11	Giảm 11 cas

b) Phòng, chống HIV/AIDS

Triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc Gia chấm dứt dịch bệnh AIDS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang vào năm 2030.

6 tháng đầu năm đã thực hiện xét nghiệm HIV cho đối tượng nguy cơ cao là 3.043 người¹; Phát hiện mới 156/310 cas HIV+ (50,32%) giảm 7,69% so với cùng kỳ (169 cas); Số người điều trị Methadone 125/130 người (96,15%); Số BN điều trị ARV là 210/300 người (70%) tăng 25% so với cùng kỳ (168 người).

Chỉ đạo thường xuyên công tác truyền thông, tư vấn và giám sát về phòng chống HIV/AIDS tại cộng đồng. Can thiệp giảm tác hại được duy trì, kiện toàn mạng lưới giáo dục viên đồng đẳng ở các xã, phường trọng điểm.

c) Phòng, chống các bệnh xã hội và bệnh nguy hiểm cho cộng đồng

- Phòng chống Phong: Tiếp tục duy trì các hoạt động phòng, chống bệnh Phong trên địa bàn tỉnh. 6 tháng đầu năm, không phát hiện bệnh nhân mới, giảm 03 cas so với cùng kỳ 2020. Số bệnh nhân quản lý điều trị 350 người².

- Phòng chống Lao phổi: Phát hiện mới 1.346 BN, tăng 90 BN so cùng kỳ, tổng số BN quản lý và điều trị là 4.014; Số BN khỏi bệnh là 1.064 BN.

- Chương trình Sức khỏe tâm thần: Khám 20.992 lượt, giảm 466 lượt so cùng kỳ 2020. Phát hiện mới 56 BN (Trong đó: Tâm thần phân liệt là 32 BN, động kinh là 24 BN), tăng 34 BN so cùng kỳ 2020.³

- Chương trình phòng chống sốt rét: Tình hình sốt rét ổn định, 6 tháng đầu năm chưa ghi nhận cas mắc, giảm 03 cas so với cùng kỳ. Xét nghiệm và test nhanh 3.695/5.000 (đạt 73,9%), giảm 8,86% so với cùng kỳ (4.054 lam).⁴

¹ Thực hiện xét nghiệm sàng lọc 18.589/15.000 mẫu (đạt 123,9%) giảm 12,96% so cùng kỳ (21.358 mẫu); Số mẫu xét nghiệm HIV thực hiện tại các cơ sở y tế là 25.071/50.000 mẫu (đạt 50,14%) giảm 6,7% so cùng kỳ (26.880 mẫu).

² Thực hiện khám 10.347/50.000 người (đạt 20,69%) giảm 58,86% so với cùng kỳ 2020 (25.150 người); chăm sóc cho 92/320 bệnh nhân phong tàn tật đạt (28,75%) giảm 51,58% so với cùng kỳ 2020 (190 người). Khám điều trị bệnh ngoài da tại cộng đồng là 1.035/5.000 (đạt 20,70%) giảm 64,43% so với cùng kỳ 2020 (2.910 người).

³ Thực hiện Test tâm lý 1419 lượt (tăng 525 lượt so cùng kỳ). Tổng số BN quản lý hiện tại 5.066 (Trong đó: TT phân liệt là 2236 BN, động kinh là 2830 BN), tử vong 25 người.

2.1.3. An toàn vệ sinh thực phẩm

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 3/6/2021, tiếp nhận 237 hồ sơ tự công bố (Y tế: 31, Nông nghiệp: 158; Công thương: 48), tăng 13 HS so cùng kỳ. Thẩm định và cấp 137 GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP, tăng 36 GCN so cùng kỳ 2020.

Thực hiện thanh, kiểm tra 8.839 cơ sở. (Trong đó: 7.361 cơ sở đảm bảo ATTP, 1.478 cơ sở chưa đảm bảo ATTP⁵). So với cùng kỳ, kiểm tra tăng 2.190 cơ sở; số cơ sở vi phạm ít hơn 172 cơ sở; số cơ sở bị phạt tiền ít hơn 6 cơ sở.

Theo báo cáo từ BVĐK tỉnh, BV Bình An và TTYT 15 huyện/TP: không xảy ra vụ NĐTP nào (bằng so với cùng kỳ 2020), chỉ có 23 cas NĐTP lẻ do ngộ độc cồn (giảm 30 cas so cùng kỳ 2020), không có trường hợp tử vong.

2.1.4. Dân số, kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản

Tổng số người áp dụng các biện pháp tránh thai là 57.224/100.050 (đạt 57,2%) giảm 0,3% so với cùng kỳ 2020⁶.

Thực hiện sàng lọc chẩn đoán trước sinh (siêu âm thai) 9.324 mẫu; Sàng lọc sơ sinh 2.042 mẫu (Trong đó: Nghi ngờ 40 trẻ thiếu men G6PD, có 14 trẻ xác định bệnh thiếu men G6PD và nghi ngờ 05 trẻ thiếu năng tuyến giáp, có 01 trẻ xác định bệnh thiếu năng tuyến giáp).

Tổng số trẻ đẻ ra sống là 11.886/26.655 trẻ (đạt 44,59%), giảm 1.980 trẻ so cùng kỳ 2020⁷. Giảm tỷ suất tử vong trẻ < 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống là 2,78‰ (33 trẻ); Giảm tỷ suất tử vong trẻ < 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống là 2,78‰ (33 trẻ).

Số trẻ em <1 tuổi được tiêm miễn dịch đầy đủ 10.784/23.720 trẻ, đạt 45,46%KH (giảm 5,85% so cùng kỳ); Phụ nữ có thai được tiêm vắc xin uốn ván 9.519 /23.720 người, đạt 40,13%KH (giảm 7,06% so cùng kỳ).

2.1.5. Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe

Tăng cường công tác truyền thông trên Báo Kiên Giang và Đài PTTH: Phòng chống dịch bệnh Covid-19 và các bệnh truyền nhiễm khác; Tuyên truyền ngày Sức khỏe Thế giới; Ngày Hiến máu nhân đạo, công tác Dân số Phát triển, Về An toàn vệ sinh thực phẩm và các chương trình Y tế.

+ Thực hiện truyền thông trên Đài PTTH 78 tin, 57 bài; trên Báo Kiên Giang 32 tin, 34 bài; trên Bản tin sức khỏe Kiên Giang 210 tin, 850 bài.

+ Duy trì 162 phòng, góc tư vấn sức khỏe; Cấp 500 băngrol, 20 đĩa tuyên truyền, 5.000 tờ rơi và 10.000 áp phích⁸

2.1.6. Công tác kiểm nghiệm, GD y khoa, pháp y và sức khỏe LD-MT

- Ước 6 tháng đầu năm, thực hiện 401 mẫu kiểm nghiệm (Mẫu lấy: 93 mẫu; Mẫu gửi: 308 mẫu)⁹, giảm 9 mẫu so cùng kỳ năm 2020. Số mẫu không đạt chất lượng là 9 mẫu Dược liệu do không đạt về chỉ tiêu tính chất, soi bột, độ ẩm.

⁴ Kiểm tra, giám sát công tác PC sốt rét tại các huyện có nguy cơ cao: TP. Hà Tiên, TP.Phú quốc. Thực hiện giám sát 12 ổ dịch tại Hòn Đất, An Minh, Giồng Riềng, Vĩnh Thuận, Gò Quao, Tân Hiệp đánh giá công tác xử lý đạt yêu cầu.

⁵ Qua đó nhắc nhở 1.435 cơ sở, xử phạt VPHC 4 cơ sở 13.000.000 đ, tiêu hủy sản phẩm vi phạm 39 cơ sở, gồm 124 loại sản phẩm với số lượng 510 kg thực phẩm không có nhãn, quá hạn sử dụng, chứa hóa chất ngoài danh mục của Bộ Y tế.

⁶ Trong đó: Đặt vòng 16.272; Thuốc tiêm: 4.494; Thuốc uống: 18.282; Thuốc cấy: 128; BCS: 18.036; Triệt sản: 12.

⁷ Số PN được quản lý thai đạt 45%; PN được khám thai >3 lần đạt 45,5% (giảm 12,19% so với cùng kỳ 2020).

⁸ Thực hiện các Chương trình gặp gỡ đối thoại trực tiếp "Thầy thuốc với mọi nhà", Nói chuyện sức khỏe tại cụm dân cư, đoàn thể; Thẩm hộ gia đình; Sản xuất 59.555 tài liệu truyền thông.

⁹ Trong đó: Tân Dược 251, Đông dược 47, Dược liệu 83, Mỹ phẩm 05; Thực phẩm chức năng 15).

- Khám giám định Y khoa: Khám giám định và khám sức khỏe 3.453 lượt (Trong đó KSK 3.196, khám GD 257¹⁰), giảm 414 lượt so cùng kỳ năm 2020.

- Giám định Pháp y: 317/490 HS, đạt 64,7%, tăng 17 HS so cùng kỳ 2020¹¹.

- Về sức khỏe trường học - môi trường lao động:

+ Công tác y tế trường học: Kiểm tra, giám sát các yếu tố vệ sinh trường học được 151/267 trường (đạt 55,93%) tăng 109,72% so cùng kỳ 2020 (72 trường); Khám sức khỏe định kỳ cho học sinh: 40.382/115.000 HS (đạt 35,11%) tăng 126,52% so với cùng kỳ 2020 (17.827 học sinh).

+ Về đo quan trắc môi trường lao động tại các đơn vị sản xuất: 101/360 cơ sở (đạt 28%) tăng 3,1% so cùng kỳ (98 cơ sở); Số mẫu đo 3.665/15.500 mẫu (đạt 23,6%) tăng 21,04% so cùng kỳ (3.028 mẫu). Khám bệnh nghề nghiệp tại các cơ sở, DN: 1.573/1.500 người (đạt 104%) tăng 286% so cùng kỳ (407 lượt).

3. Tổ chức bộ máy và nhân lực y tế

3.1. Tổ chức bộ máy¹²

a) Hệ thống y tế công lập

Tổ chức bộ máy ngành Y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến xã gồm có: 06 phòng chức năng tại Sở và 172 đơn vị y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến xã¹³ gồm 13 cơ quan, đơn vị trực thuộc tuyến tỉnh (06 Bệnh viện tuyến tỉnh: BV ĐK tỉnh, BV Y Dược Cổ truyền, BV Lao Phổi, BV Tâm thần, Bệnh viện Sản-Nhi và Bệnh viện Ung Bướu; 04 Trung tâm gồm TT Kiểm soát bệnh tật; TT Pháp y; TT Giám định Y Khoa; TT Kiểm nghiệm; 02 Chi cục gồm Chi cục ATTP và Chi cục Dân số), Trường CĐ Y tế; TTYT 15 huyện/TP; 144 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

Có 142/144 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, đạt tỷ lệ 98,61% (theo tiêu chí cũ), tăng 3,61% so kế hoạch giao (95%) và tăng 4,11% so cùng kỳ (94,5%).

b) Hệ thống y tế tư nhân

Toàn tỉnh hiện có 942 cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập, tăng 02 cơ sở so cùng kỳ năm 2020¹⁴. Có 1.494 cơ sở kinh doanh Dược¹⁵. Đến nay, có 827 cơ sở kinh doanh dược kết nối mạng liên thông (278 nhà thuốc, 546 quầy thuốc, tủ thuốc TYT 01, Cty/DN 02).

c) **Giường bệnh:** Tổng số giường bệnh kế hoạch năm 2021 tuyến tỉnh và tuyến huyện (kể cả ngoài công lập) là 5.500 giường, tăng 170 giường so cùng kỳ. Số giường bệnh/vận dân đạt 31,76 giường, đạt 101,7% KH (31,21).

3.2 Nhân lực y tế và đào tạo

Thực hiện tốt việc quy hoạch, sắp xếp, bố trí, luân chuyển, đào tạo cán bộ. Giải quyết tốt các chế độ chính sách cho CBCCVC, xếp lương, bổ nhiệm vào

¹⁰ Khám GD mắt sức lần đầu 67; khám chất độc hoá học 16; khám tai nạn LĐ 9; GD bệnh nghề nghiệp 4; GD khuyết tật 79, giám định khác 82.

¹¹Trong đó: GD thương tích 216 HS; GD hiệp dâm 35; GD tuổi 37; GD tử thi 5; GD ma túy, rượu 6; Khác 18).

¹² Hiện nay, hệ thống y tế có BV Đa khoa tỉnh (hạng 1); BV Y Dược cổ truyền tỉnh, Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) và TTYT 04 huyện/TP gồm: TP. Phú Quốc, Giồng Riềng, Kiên Lương, Vĩnh Thuận (hạng 2). Các bệnh viện: BV Lao Phổi, BV Tâm thần và TTYT 11 huyện/TP gồm: TP. Rạch Giá, TP. Hà Tiên, U Minh Thượng, Giang Thành, Hòn Đất, Châu Thành, Tân Hiệp, An Biên, An Minh, Kiên Hải, Gò Quao (hạng 3).

¹³ Tăng 02 đơn vị so cùng kỳ 2020. Kể từ ngày 01/01/2021: BV Sản Nhi & Bv Ung Bướu hoạt động; Trường CĐ Y tế (về trực thuộc Sở Y tế); xã Hòn Thơm và TT An Thới (Phú Quốc) sáp nhập thành Phường An Thới.

¹⁴ Gồm BV tư nhân Bình An; BVĐK QT Vinmec Phú Quốc, 19 Phòng khám ĐK tư nhân, 691 Phòng khám chuyên khoa, 02 nhà hộ sinh, 9 phòng chẩn đoán hình ảnh, 6 phòng xét nghiệm, 148 phòng chẩn trị YHCT, 65 cơ sở dịch vụ y tế.

¹⁵ (Trong đó: Cty/DN 16; nhà thuốc 269; quầy thuốc 1202 và 07 cơ sở bán lẻ thuốc Dược liệu, thuốc cổ truyền)